

TT, ngày 21 tháng 9 năm 2020

Số: 01/2020/QĐST-KDTM

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH P

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Viết Tú

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Minh Thân

2. Ông Nguyễn Thành Lâm

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 41/2020/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2019;

Công ty TNHH N và ông Phạm Kim D thực hiện hợp đồng vay tài sản đều vì mục đích lợi nhuận nên HĐXX xác định loại tranh chấp trên thuộc “*Tranh chấp Kinh doanh thương mại*”.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông **Phạm Kim D**, sinh năm 1953

Địa chỉ: Khu 6, thị trấn TH, huyện TT, tỉnh P.

- *Bị đơn:* **Công ty TNHH N**

Địa chỉ: Khu 3, thị trấn TH, huyện TT, tỉnh P.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Mạnh H, sinh năm 1978, chức vụ: Giám đốc công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thu M, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 23, Phường C, quận B, thành phố HN (theo văn bản ủy quyền ngày 17/9/2020),

2. Sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Ngày 24/01/2011 ông Phạm Kim D ký hợp đồng cho Công ty TNHH N (công ty N có chi nhánh tại Khu 3, thị trấn TH, huyện TT) do ông Dương Thùy V là phó giám đốc công ty vay khoản tiền 500.000.000đ (*năm trăm triệu đồng*) với mục đích đầu tư sản xuất kinh doanh. Thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay 03% tháng.

Ngày 04/10/2011 ông Phạm Kim D tiếp tục cho Công ty TNHH N vay thêm 1.000.000.000đ (*một tỷ đồng*) do bà Nguyễn Thu M và ông Dương Thùy V ký hợp đồng thời hạn cho vay 06 tháng, lãi suất cho vay 03% tháng, mục đích đầu tư sản xuất kinh doanh.

Nay hai bên thỏa thuận trước khi mở phiên tòa và đề nghị HĐXX công nhận với nội dung:

2.1 Về số tiền gốc: Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Kim D số tiền gốc **1.500.000.000đ** (*một tỷ năm trăm triệu đồng*) theo 02 hợp đồng ngày 24/01/2011 và ngày 04/10/2011 trên;

2.2 Về lãi suất:

* Lãi suất của 02 khoản vay trong hạn tính bằng 09%/năm tức 0,75%/tháng.

+ Khoản vay ngày 24/01/2011 của 500.000.000đ là 12 tháng bằng **45.000.000đ**.

+ Khoản vay ngày 04/10/2011 của 1.000.000.000đ là 06 tháng bằng **45.000.000đ**.

* Lãi suất chậm trả theo quy định là 150% của lãi suất cơ bản trên: 0,75% x 150% = 1,125%/ tháng.

+ Khoản vay ngày 24/01/2011 là 500.000.000đ được tính lãi suất chậm trả từ ngày 25/01/2012 đến ngày xét xử vụ án là ngày 21/9/2020 tính tròn là 08 năm 8 tháng , bằng **585.000.000đ**.

+ Khoản vay ngày 04/10/2011 là 1.000.000.000đ được tính lãi suất chậm trả từ ngày 05/04/2012 đến ngày xét xử vụ án là ngày 21/9/2020 là 08 năm 05 tháng 15 ngày, bằng **1.141.875.000đ**.

Tổng số tiền lãi trong hạn và quá hạn là **1.816.875.000đ** (*một tỷ tám trăm mười sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Tổng cộng tiền gốc và lãi Công ty TNHH N có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Kim D là **3.316.875.000đ** (*ba tỷ ba trăm mười sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị Thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thanh toán xong. Lãi suất chậm trả được xác định theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

*** Về án phí Dân sự sơ thẩm:**

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Do hai bên thỏa thuận trước khi mở phiên tòa nên bị đơn phải chịu 50% mức án phí theo quy định.

Công ty TNHH N phải chịu 49.168.700đ (*bốn mươi chín triệu một trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm đồng*) tiền án phí DSST. Trả lại cho ông Phạm Kim D số tiền 28.000.000đ (*hai mươi tám triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001643 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TT, tỉnh P.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện TT;
- Chi cục THADS huyện TT;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VP.

THẨM PHÁN

Lương Viết Tú